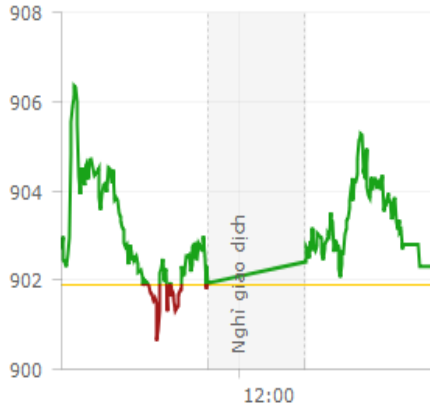


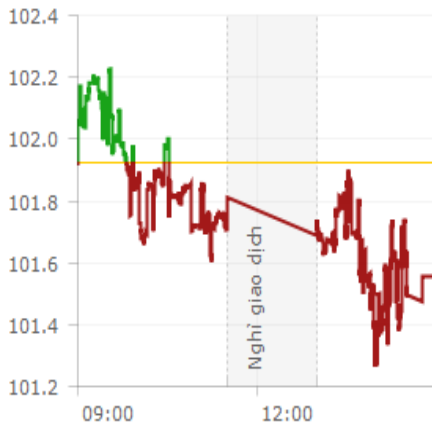
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ THEO NGÀY

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TUẦN 14/01/2019 – 18/01/2019

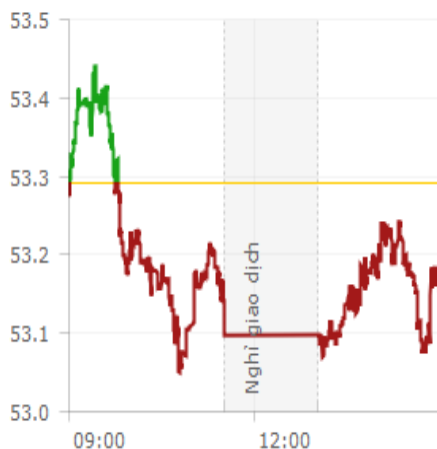
Vn-index: 0.41 điểm (0.05%)



Hnx-index: 0.37 điểm (0.36%)



Upcom-index: 0.03 điểm (0.06%)



Tuần Giao Dịch Giăng Co Trong Biên Độ Rất Hẹp!

Tổng hợp: (Tuần giao dịch (14-18)/01/2019). Trái ngược với diễn biến tích cực của tuần trước, tuần qua chứng trường của Việt Nam khá trầm lắng với xu hướng chủ đạo đi ngang trong biên độ hẹp. Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số Vn-index giảm nhẹ 0,41 điểm (-0,05%) xuống 902,03 điểm với tổng khối lượng giao dịch đạt 710 triệu CP, trị giá 15.684,8 tỷ đồng; Hn-index giảm 0,31 điểm (-0,3%) xuống 101,56 điểm với tổng khối lượng giao dịch đạt 139,8 triệu CP, trị giá 1.914 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản tuần qua tương đương với tuần trước, nhưng có sự tăng/giảm trái chiều trên 2 sàn. Tổng khối lượng giao dịch trong tuần trên 2 sàn đạt 845 triệu CP, trị giá 17.598,8 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 205,4 triệu CP, trị giá 6.423 tỷ đồng. Xét về khối lượng giao dịch trung bình trên phiên thì tăng 7% trên sàn HSX nhưng giảm (-16%) trên sàn HNX. Tính về giá trị giao dịch thì tăng 14% trên HSX nhưng giảm (-28%) trên sàn HNX so với tuần trước đó.

Diễn biến: Không được tích cực như tuần trước, tuần giao dịch mới khá trầm lắng bởi sự thận trọng của giới đầu tư, khiến cho cả 2 chỉ số không thể duy trì sắc xanh, mà đành ngậm ngùi đóng cửa trong sắc đỏ nhẹ. Xu hướng chủ yếu trong tuần là sự giăng co và phân hóa trong biên độ rất hẹp. Cuộc chiến cung cầu diễn ra khá là ngang sức và chỉ hơi nghiêng nhẹ về bên bán.

Đáng chú ý nhất trong tuần là dòng CP dệt may và thủy sản khi hưởng lợi từ thông tin "Hiệp định thương mại - CPTPP" chính thức có hiệu lực với Việt Nam trong tuần qua. Khá nhiều CP thuộc 2 dòng trên đã có nhiều phiên bút phá tăng điểm, đi ngược lại xu hướng điều chỉnh chung của thị trường như TCM, TNG, GMC, VHC, EVE, FMC, ABT, MPC...

Ngoài ra, mặc dù đóng tuần giảm điểm, nhưng cả 2 chỉ số cũng ghi nhận một phiên đồng thuận tăng điểm đáng chú ý với sự hỗ trợ từ nhiều nhóm CP trong phiên giao dịch thứ 3 (15/01/2019). Trong đó nổi bật là nhóm CP ngân hàng như VCB, ACB, BID, CTG, MBB... có mức tăng từ 1,1% đến 2,6%; Nhóm CP vốn hóa lớn trụ cột thị trường như VHM tăng 3,4%, VCS tăng 3,2%, PVD tăng 2,69%, VRE tăng 2,1%; Hay nhóm BĐS, xây dựng, khi xuất hiện nhiều cổ phiếu tăng điểm tích cực như CEO, DXG, FCN, DIG, HBC, SJS, PC1, VIC... Tuy nhiên, đà tăng không được hỗ trợ bởi thanh khoản nên không thể duy trì trong các phiên tiếp theo.

Những phiên tiếp theo xu hướng chủ đạo là sự điều chỉnh nhẹ, trong đó ấn tượng nhất là phiên cuối tuần với thanh khoản tăng cao hơn cả và có sự hồi phục nhẹ vào cuối phiên trên chỉ số Vn-index. Hầu như tất cả các CP vốn hóa lớn và Bluechips đều dao động trong biên độ hẹp như VIC +0,2%; TCB +0,4%; NVL +0,4%; HDB +0,7%...tăng tốt hơn là VHM +0,9% lên 80.500

Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

đồng; VNM +1,4% lên 134.000 đồng; MSN +1% lên 81.000 đồng; HPG +1% lên 29.200 đồng; VPB +1,3% lên 19.250 đồng... Bên cạnh đó, một số giằng co và chỉ có được mức giá tham chiếu là GAS, SAB, MBB, FPT, BVH. Trong khi đó, trên sàn HNX khá nhiều CP lớn giảm giá như ACB -1%, NVB -2,4%, TV2 -2,6%, VCG -2,7%... đã khiến chỉ số Hn-index không thể có được sắc xanh...

Khôi ngoại: Duy trì đà mua ròng tuần thứ 3 liên tiếp của năm 2019 với giá trị mua ròng tăng mạnh so với 2 tuần trước đó. Cụ thể, trong tuần qua trên sàn HSX khối ngoại giao dịch tổng trị giá 7.330,34 tỷ với giá trị mua ròng đạt 700,8 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch tổng trị giá 68,33 tỷ với giá trị mua ròng đạt 25,43 tỷ đồng. Tóm lại tuần qua, khối ngoại đã mua ròng với giá trị đạt 726,3 tỷ đồng.

Vn-index: Biểu đồ 6 Tháng



Hnx-index: Biểu đồ 6 Tháng



Nhóm ngành:

Tổng kết tuần giao dịch vừa qua, thì không có sự đột biến nào khi mà tỷ lệ nhóm ngành tăng/giảm là 50/50. Cụ thể, ở chiều tăng điểm đi đầu là nhóm bảo hiểm và BĐS tăng 2,47% & 2,39%, theo sau đó là nhóm y tế tăng 1,78%, nhóm hóa chất tăng 1,08%, còn lại các nhóm ngành khác tăng không đáng kể. Ở chiều giảm điểm, nhóm TNCB giảm (-2,44%), truyền thông giảm (-1,73%)....

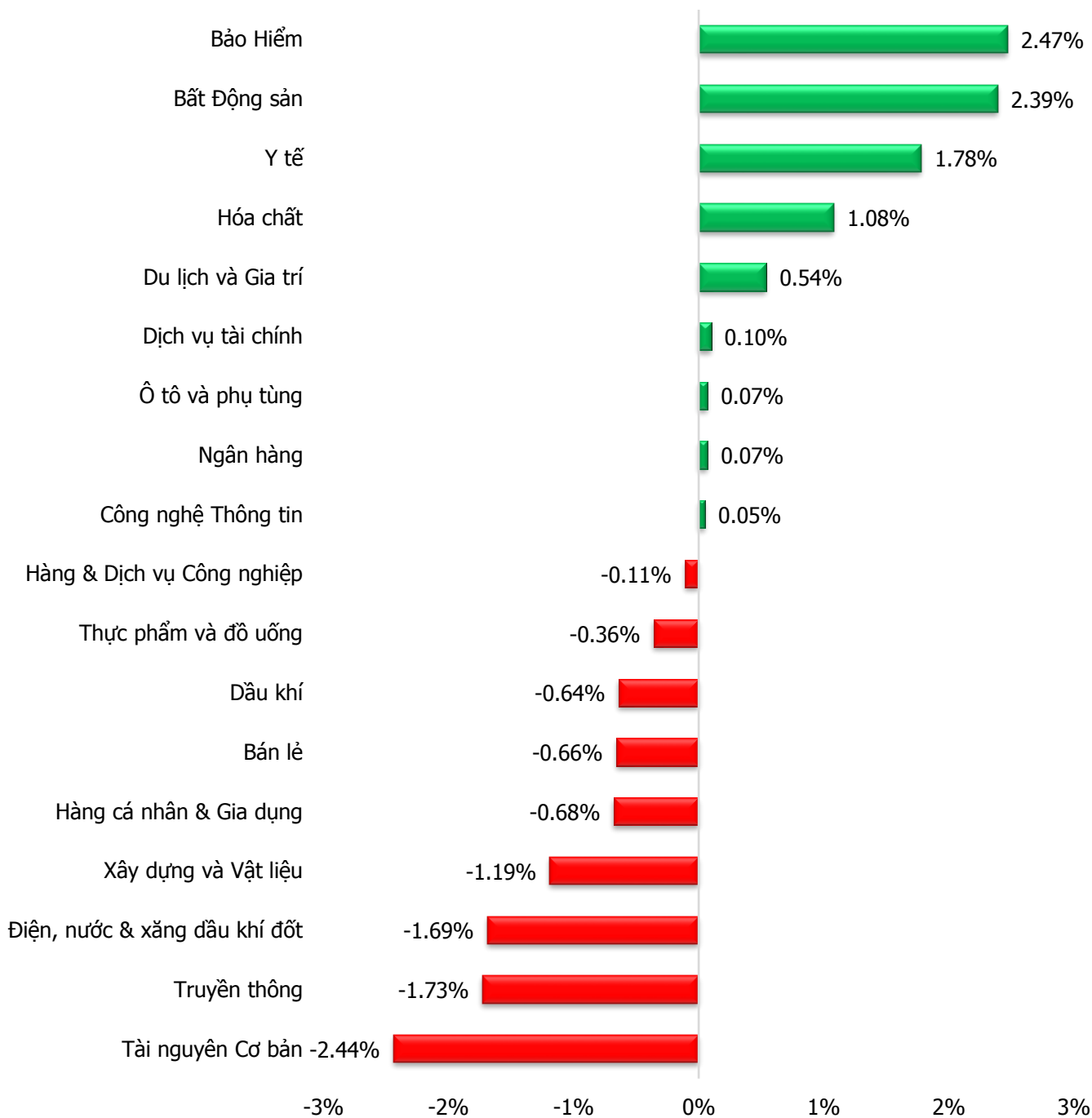
Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong 12 CP vốn hóa lớn nhất thị trường thì sắc đỏ quay lại chiếm ưu thế, nhưng không quá lấn át. Có 7 mã giảm điểm là GAS, VCB, SAB, BID, CTG, VRE, VJC; tăng nhẹ có VIC, MSN và tăng khá có VHM và TCB. Chỉ có duy nhất mã VNM là đứng giá tham chiếu.

Nhóm CP đột biến: Không xét giao dịch thỏa thuận, tuần qua có những mã giao dịch đột biến, tính bình quân trên phiên thì sàn HSX có HQC 2,4 triệu CP, SJF 1,67 triệu CP, OGC giao dịch 1,65 triệu CP, SSI 1,4 triệu CP và AMD 1 triệu CP. Trong đó có OGC, AMD tăng điểm, còn lại đều đóng tuần trong sắc đỏ.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Chưa thoát khỏi kênh xu hướng giằng co, diễn biến trong phiên cuối tuần cũng tương đồng với các phiên trước đó, điều đáng chú ý hơn là thanh khoản có tăng rõ nét so với phiên hôm qua, nhưng vẫn ở mức khá thấp. Biên độ biến động của cả 2 chỉ số đều giao động nhẹ nhàng xung quanh 2 đường trung bình MA7 và MA18 thể hiện sự thận trọng của các nhà đầu tư trong suốt một tuần qua. Ở biểu đồ tuần cũng phản ánh xu hướng trên khi kết thúc tuần cả chỉ số đóng cửa với biên độ giảm điểm không đáng kể. Tiếp tục bảo lưu quan điểm thận trọng, ưu tiên quản lý danh mục để tránh rủi ro bằng cách duy trì tỷ trọng CP cân bằng với tiền mặt. Kiên nhẫn và chờ đợi thêm cho đến khi xuất hiện tín hiệu bứt phá rõ ràng để có cơ sở hành động.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH THEO TUẦN

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN THEO NGÀY

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PIT	5,560	360	6.92%	10
CCI	11,700	750	6.85%	10
CMG	25,050	1,600	6.82%	134,270
PXI	2,670	170	6.80%	28,480
YBM	16,600	1,050	6.75%	559,750

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DPS	600	100	20.00%	55,150
RCL	25,300	2,300	10.00%	100
CMI	1,100	100	10.00%	77,600
VMS	5,500	500	10.00%	200
HBS	2,200	200	10.00%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DAT	8,410	-630	-6.97%	10
VMD	18,800	-1,400	-6.93%	100
RIC	6,050	-450	-6.92%	200
SSC	70,000	-5,200	-6.91%	90
NAV	8,100	-600	-6.90%	510

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	600	-100	-14.29%	45,600
SPI	600	-100	-14.29%	139,100
ACM	600	-100	-14.29%	58,320
VMI	800	-100	-11.11%	33,800
DP3	79,200	-8,800	-10.00%	79,750

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	1,420	20	1.43%	5,454,450
SJF	5,400	-150	-2.70%	4,606,240
OGC	3,700	-40	-1.07%	1,688,520
TCH	17,500	650	3.86%	1,630,230
SSI	25,150	-50	-0.20%	1,521,200

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VGC	19,100	900	4.95%	4,419,731
ART	2,300	100	4.55%	3,476,602
VCG	22,000	-600	-2.65%	2,440,257
MST	4,800	200	0.00%	801,400
TNG	17,200	-200	4.35%	784,397

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

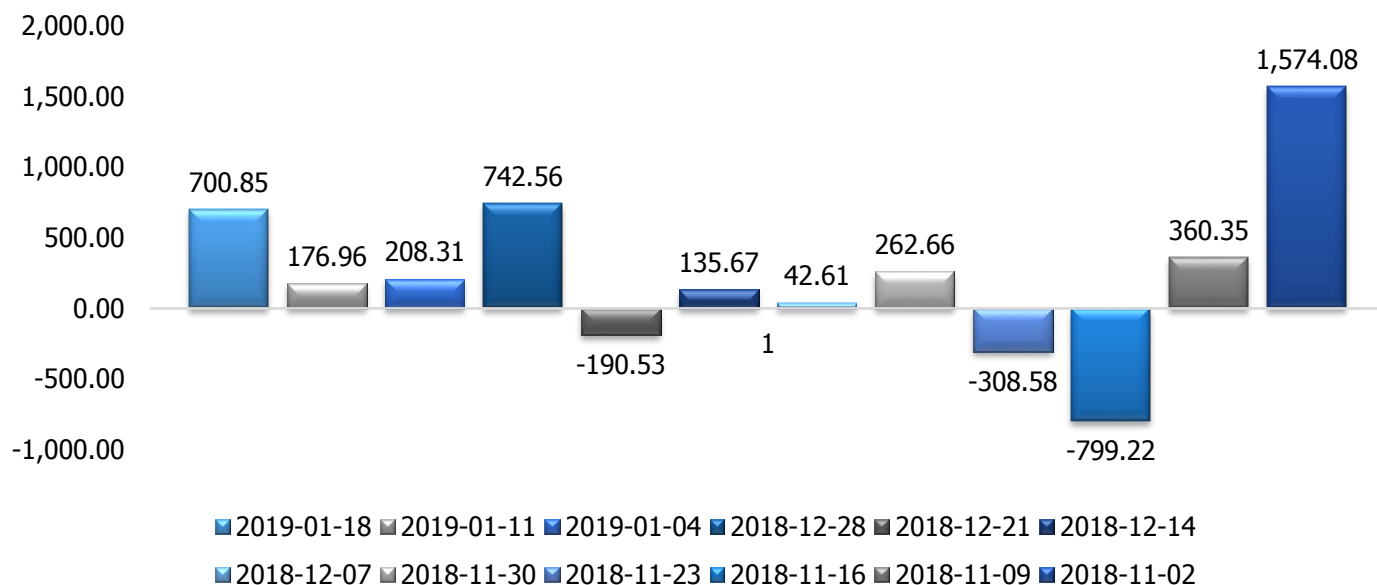
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	5,450	-50	-0.91%	7,596,270
HQC	1,420	20	1.43%	5,454,450
SJF	5,400	-150	-2.70%	4,606,240
ROS	35,400	-150	-0.42%	3,795,370
CTG	18,200	-250	-1.36%	3,403,750

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

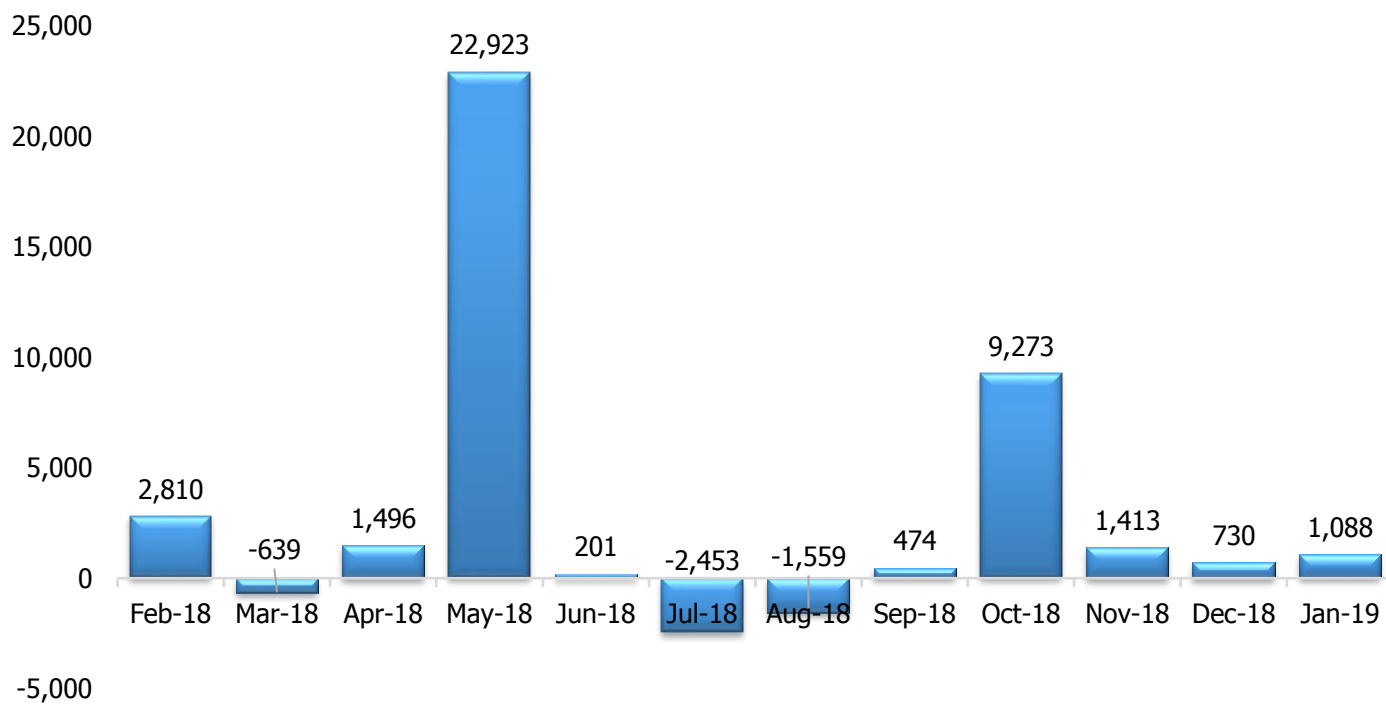
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VGC	19,100	900	4.95%	4,419,731
ART	2,300	100	4.55%	3,476,602
VCG	22,000	-600	-2.65%	2,440,257
SHB	7,000	0	0.00%	2,322,572
PVS	17,700	-100	-0.56%	1,671,479

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM THEO NGÀY

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm m 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	61,381	18,317	4,334	16.4%	26.8%	6.67	1.58	5,685,163	29,200	-26.38%
2	VNM	10.90%	230,214	14,620	5,554	28.5%	38.9%	23.80	9.04	1,052,595	134,000	-21.08%
3	ACV	9.00%	186,249	13,734	2,841	11.1%	20.3%	30.11	6.23	97,413	85,000	-17.00%
4	KDH	6.30%	12,421	15,335	1,412	5.5%	8.5%	21.25	1.96	422,647	29,850	12.34%
5	PNJ	6.10%	15,030	20,253	5,628	18.8%	28.3%	15.99	4.44	489,112	89,200	-0.36%
6	VJC	4.70%	62,556	22,986	10,037	15.1%	45.4%	11.51	5.02	867,319	115,200	-11.63%
7	QNS	3.20%	12,288	17,170	3,824	14.7%	23.7%	10.98	2.45	326,980	42,000	-0.31%
8	EIB	3.10%	18,319	12,353	1,102	0.9%	8.6%	13.52	1.21	2,909,320	14,700	-1.02%
9	CTD	3.00%	11,186	107,070	22,046	11.2%	22.5%	6.72	1.38	186,435	147,900	-28.72%
10	PVS	2.60%	8,508	22,715	1,748	3.1%	6.0%	10.18	0.78	5,351,276	17,700	-27.44%
Tổng		62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm m 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	36,043	15,651	3,498	1.2%	21.5%	8.26	1.85	3,966,381	28,600	-6.11%
2	MWG	7.20%	37,799	18,409	6,454	12.2%	41.3%	13.22	4.63	621,314	84,400	-11.88%
3	MBB	7.07%	42,669	14,554	2,341	1.4%	14.9%	8.44	1.36	6,148,656	19,750	-17.20%
4	VNM	6.27%	230,214	14,620	5,554	28.5%	38.9%	23.80	9.04	1,052,595	134,000	-21.08%
5	KDH	5.13%	12,421	15,335	1,412	5.5%	8.5%	21.25	1.96	422,647	29,850	12.34%
6	HPG	4.04%	61,381	18,317	4,334	16.4%	26.8%	6.67	1.58	5,685,163	29,200	-26.38%
7	FPT	4.00%	25,769	19,350	5,305	11.7%	23.0%	7.92	2.17	809,422	42,000	-15.78%
8	GAS	3.94%	170,342	22,203	6,557	17.5%	25.7%	13.57	4.01	541,695	89,000	-8.68%
9	ACV	3.59%	186,249	13,734	2,841	11.1%	20.3%	30.11	6.23	97,413	85,000	-17.00%
10	VJC	3.37%	62,556	22,986	10,037	15.1%	45.4%	11.51	5.02	867,319	115,200	-11.63%
Tổng		51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm m 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	46,678	13,020	2,757	2.6%	24.1%	6.89	1.46	4,606,273	19,250	-32.38%
2	MWG	13.30%	37,799	18,409	6,454	12.2%	41.3%	13.22	4.63	621,314	84,400	-11.88%
3	PNJ	8.57%	15,030	20,253	5,628	18.8%	28.3%	15.99	4.44	489,112	89,200	-0.36%
4	FPT	4.88%	25,769	19,350	5,305	11.7%	23.0%	7.92	2.17	809,422	42,000	-15.78%
5	MBB	4.79%	42,669	14,554	2,341	1.4%	14.9%	8.44	1.36	6,148,656	19,750	-17.20%
6	DHG	4.63%	10,800	22,423	4,553	14.3%	21.0%	18.14	3.68	201,067	83,600	-23.51%
7	CTD	4.60%	11,186	107,070	22,046	11.2%	22.5%	6.72	1.38	186,435	147,900	-28.72%
8	CII	4.18%	5,896	19,929	329	-0.1%	-0.2%	72.40	1.19	757,654	23,700	-36.84%
9	CTI	3.52%	1,613	20,178	2,427	3.1%	9.6%	10.55	1.27	782,836	25,600	-21.91%
10	VCI	3.41%	6,422	23,161	5,375	13.6%	28.3%	7.33	1.70	154,887	39,000	-33.77%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.17%	325,545	16,325	1,205	1.6%	5.8%	84.64	6.25	1,371,546	102,200	43.52%
2	NVL	7.43%	53,237	18,578	2,390	3.7%	13.6%	23.77	3.06	1,488,090	57,000	-3.31%
3	VNM	8.51%	230,214	14,620	5,554	28.5%	38.9%	23.80	9.04	1,052,595	134,000	-21.08%
4	CTG	7.11%	68,697	18,694	2,064	0.7%	11.9%	8.94	0.99	5,028,025	18,200	-29.70%
5	MSN	6.57%	93,285	15,148	5,186	8.9%	26.1%	15.46	5.29	2,683,161	81,000	-11.90%
6	ROS	3.80%	20,178	10,168	1,291	7.6%	14.0%	27.53	3.50	2,470,937	35,400	-73.71%
7	HPG	4.41%	61,381	18,317	4,334	16.4%	26.8%	6.67	1.58	5,685,163	29,200	-26.38%
8	Mani	4.82%	104	12,185	1,009	6.5%	8.8%	6.84	0.57	27,633	6,900	-8.29%
9	SSI	4.14%	12,831	18,549	2,897	6.6%	14.4%	8.70	1.36	2,831,053	25,150	-16.65%
10	Eclat	4.57%	36	17,931	1,776	6.8%	9.5%	11.54	1.14	20	20,500	62.70%
11	BVH	4.17%	64,411	20,798	1,673	1.3%	8.4%	54.94	4.42	101,370	91,900	26.62%
12	Synopex	2.89%	1,009	15,934	1,578	8.2%	9.6%	9.53	0.94	28,138	15,000	54.74%
13	SOCO	4.25%	4,342	12,075	1,168	2.7%	6.3%	9.87	0.96	373	12,000	-24.52%
14	RMIL	3.01%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	3.46%	846	10,943	816	0.0%	0.0%	7.35	0.55	105	6,000	-36.59%
16	VCG	1.81%	9,983	14,762	2,645	6.1%	16.7%	8.54	1.53	2,302,849	22,000	2.54%
17	STB	2.52%	20,201	13,185	739	0.4%	6.3%	15.16	0.85	6,681,368	11,250	-24.41%
18	SBT	1.94%	10,372	11,669	891	3.0%	8.0%	22.17	1.69	3,716,405	19,600	-7.10%
19	TCH	2.25%	5,953	12,065	947	7.8%	8.7%	17.79	1.40	1,008,481	17,500	-18.43%
20	MCNEX	1.35%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	44	5,600	5.66%
21	KDC	1.34%	4,555	29,379	-147	-0.2%	-0.2%	150.86	0.75	227,967	21,700	-46.08%
22	DPM	1.24%	8,903	20,403	1,670	5.9%	7.8%	13.62	1.12	581,278	23,200	1.15%
23	NT2	1.56%	7,917	12,815	2,947	8.4%	18.5%	9.33	2.15	209,624	28,050	0.57%
24	HSB	0.07%	2,544	13,293	1,063	3.1%	13.4%	6.22	0.50	4,056,758	6,550	-71.25%
25	DCMI	0.19%	5,119	11,642	1,134	3.9%	7.8%	8.53	0.83	599,581	9,510	-25.23%
26	U.S.Dollar	0.08%	325	13,647	1,693	7.3%	14.5%	6.26	0.78	8,290	10,600	15.78%
27	VCB	6.43%	204,730	18,229	3,356	1.2%	20.3%	16.45	3.03	1,612,717	54,800	-6.48%
28	VRE	5.06%	70,097	11,928	1,060	5.6%	7.9%	28.41	2.52	1,932,839	29,250	-13.83%
Tổng		110.11%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	61,381	18,317	4,334	16.4%	26.8%	6.67	1.58	5,685,163	29,200	-26.38%
2	VIC	15.41%	325,545	16,325	1,205	1.6%	5.8%	84.64	6.25	1,371,546	102,200	43.52%
3	MSN	15.32%	93,285	15,148	5,186	8.9%	26.1%	15.46	5.29	2,683,161	81,000	-11.90%
4	VNM	12.55%	230,214	14,620	5,554	28.5%	38.9%	23.80	9.04	1,052,595	134,000	-21.08%
5	VCB	6.80%	204,730	18,229	3,356	1.2%	20.3%	16.45	3.03	1,612,717	54,800	-6.48%
6	NVL	5.84%	53,237	18,578	2,390	3.7%	13.6%	23.77	3.06	1,488,090	57,000	-3.31%
7	ROS	5.14%	20,178	10,168	1,291	7.6%	14.0%	27.53	3.50	2,470,937	35,400	-73.71%
8	PVS	5.10%	8,508	22,715	1,748	3.1%	6.0%	10.18	0.78	5,351,276	17,700	-27.44%
9	SSI	4.08%	12,831	18,549	2,897	6.6%	14.4%	8.70	1.36	2,831,053	25,150	-16.65%
10	STB	2.88%	20,201	13,185	739	0.4%	6.3%	15.16	0.85	6,681,368	11,250	-24.41%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	230,214	14,620	5,554	28.5%	38.9%	23.80	9.04	1,052,595	134,000	-21.08%
2	VIC	2.76%	325,545	16,325	1,205	1.6%	5.8%	84.64	6.25	1,371,546	102,200	43.52%
3	MSN	1.81%	93,285	15,148	5,186	8.9%	26.1%	15.46	5.29	2,683,161	81,000	-11.90%
4	HPG	1.43%	61,381	18,317	4,334	16.4%	26.8%	6.67	1.58	5,685,163	29,200	-26.38%
5	ROS	0.63%	20,178	10,168	1,291	7.6%	14.0%	27.53	3.50	2,470,937	35,400	-73.71%
6	NVL	0.58%	53,237	18,578	2,390	3.7%	13.6%	23.77	3.06	1,488,090	57,000	-3.31%
7	VRE	0.48%	70,097	11,928	1,060	5.6%	7.9%	28.41	2.52	1,932,839	29,250	-28.52%
8	SSI	0.45%	12,831	18,549	2,897	6.6%	14.4%	8.70	1.36	2,831,053	25,150	-16.65%
9	STB	0.32%	20,201	13,185	739	0.4%	6.3%	15.16	0.85	6,681,368	11,250	-24.41%
10	SAB	0.28%	150,380	25,960	7,192	22.0%	30.1%	32.61	9.03	81,832	234,500	-6.32%
11	PVS	0.20%	8,508	22,715	1,748	3.1%	6.0%	10.18	0.78	5,351,276	17,700	-27.44%
12	SBT	0.19%	10,372	11,669	891	3.0%	8.0%	22.17	1.69	3,716,405	19,600	-7.10%
13	HSG	0.15%	2,544	13,293	1,063	3.1%	13.4%	6.22	0.50	4,056,758	6,550	-71.25%
14	TCH	0.14%	5,953	12,065	947	7.8%	8.7%	17.79	1.40	1,008,481	17,500	-18.43%
15	DPM	0.13%	8,903	20,403	1,670	5.9%	7.8%	13.62	1.12	581,278	23,200	1.15%
16	KBC	0.10%	6,624	18,685	1,131	2.8%	4.8%	12.47	0.75	2,513,882	13,950	-0.70%
Tổng		15.3%										

ĐIỂM TIN NỘI BẬT:

Thứ 2 ngày 14/01/2019

■ Theo báo Nikkei, với nền kinh tế quy mô khá lớn, cởi mở và thanh khoản cao, Hàn Quốc có thể coi như điển hình cho sự biến chuyển trên toàn cầu. Ngay tuần này, Hàn Quốc đã công bố thông tin gây sốc. Chính phủ Hàn Quốc khiến cho nhà đầu tư choáng váng với thông tin xuất khẩu tháng 12/2018 giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu Hàn Quốc như vậy không đạt kỳ vọng của giới chuyên gia. Giới chuyên gia phân tích tham gia khảo sát của Focus Economics dự báo kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng 2,6% trong năm nay, so với con số 2,8% trong năm 2018.

■ Hiệp định CPTPP đã chính thức có hiệu lực từ ngày 30/12/2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định, gồm Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Úc. Và hôm nay (14/1), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực với Việt Nam, mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế. Các nước tham gia CPTPP có tổng GDP: 10,2 nghìn tỷ USD, chiếm hơn 13% trong tổng GDP toàn cầu. Tổng dân số: 495 triệu người, chiếm 6,8% dân số thế giới.

■ Theo Chỉ thị của Thống đốc NHNN, mục tiêu tổng quát của ngành Ngân hàng năm 2019 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm chế lạm phát theo mục tiêu năm 2019 bình quân dưới 4%; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, giảm dần thanh toán bằng tiền mặt trong nền kinh tế.

Thứ 3 ngày 15/01/2019

■ Theo tính toán của World Bank, từ nay đến 2030, mỗi năm trung bình ngành điện Việt Nam cần đầu tư mới khoảng 10 tỷ USD, tập trung vào đầu kỳ, cao hơn mức bình quân 8 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2011-2015. Trong khi đó, phát triển ngành khí dự kiến cần khối lượng đầu tư lũy kế khoảng 20 tỷ USD trong giai đoạn từ 2015 đến 2035. Phía Ngân hàng Thế giới lưu ý vốn tư nhân sẽ là nhân tố chính để Việt Nam phát triển thị trường năng lượng. Theo đó, Chính phủ cần phải xử lý các nút thắt đang cản trở dòng vốn trong và ngoài nước đổ vào lĩnh vực này.

■ Kết thúc năm 2018, xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt xấp xỉ 2,3 tỉ USD, tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm 2017. Đây là lần đầu tiên trong vòng 20 năm qua xuất khẩu cá tra nước ta đạt được con số kỷ lục như vậy. Các chuyên gia dự báo, mức tăng trưởng của ngành cá tra Việt Nam sẽ chưa dừng lại ở đây khi chất lượng và giá trị của mặt hàng này ngày càng được nâng cao.

■ Ngang qua các chi nhánh, phòng giao dịch nhiều ngân hàng, người ta có thể dễ dàng nhìn thấy bảng thông báo lãi suất đang được áp dụng ở những mức cao nhất, có nơi đến 9%/năm. Đơn cử như ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) mới đây đã thay đổi mức lãi suất tiền gửi cao nhất tại nhà băng này lên 9%/năm.

Thứ 4 ngày 16/01/2019

■ Nếu như giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng của nợ công của Việt Nam ở mức bình quân là 18,1%/năm thì giai đoạn 2016 - 2018 đã kéo xuống bình quân còn 8,6%/năm, riêng năm 2018 chỉ còn ở mức 6%. Về trần nợ công, tỷ lệ nợ công giảm từ mức cuối năm 2016 là 63,7% GDP xuống còn 61,4% GDP cuối năm 2017. Còn khoảng thời gian đến hết tháng 1 để thanh toán các khoản giải ngân nên ước tính dự nợ công của năm 2018 ở mức dưới 61% GDP.

■ Hãng tin CNBC dẫn số liệu do Văn phòng Thống kê Liên bang Đức (Destatis) cho biết tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Đức tăng 1,5% trong 2018, so với mức tăng 2,2% đạt được trong 2017. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất của kinh tế Đức kể từ năm 2013. Bộ Kinh tế Đức nói rằng nguyên nhân khiến kinh tế nước này giảm tốc trong 2018 bao gồm nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng yếu đi, vấn đề doanh số của ngành công nghiệp xe hơi do các tiêu chuẩn về khí thải được thắt chặt, cũng như tác động của một đợt dịch cúm và các cuộc đình công.

■ Theo nghiên cứu kinh tế vĩ mô mới nhất về Việt Nam, lĩnh vực sản xuất đã tăng trưởng ở mức hai con số trong 4 năm trở lại đây và đà tăng này có thể sẽ tiếp diễn trong năm 2019. Standard Chartered, dự báo lĩnh vực sản xuất sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm nay dù chậm hơn một chút so với năm 2018 do môi trường bên ngoài bất ổn và tốc độ tăng trưởng vốn đang nằm ở mức cao. Còn dòng vốn FDI tiếp tục chảy mạnh vào lĩnh vực sản xuất sẽ thúc đẩy hoạt động trong lĩnh vực này. Các chuyên gia kinh tế của Standard Chartered cho hay, FDI vào Việt Nam có thể duy trì ở mức cao trong năm 2019, đạt xấp xỉ 15 tỷ USD và dòng vốn sẽ chảy vào lĩnh vực sản xuất.

Thứ 5 ngày 17/01/2019

■ Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) hôm nay bơm ra thị trường số tiền kỷ lục thông qua các hợp đồng reverse repo (hợp đồng mua lại đảo ngược). Theo đó, cơ quan này bơm ra 350 tỷ NDT (51,64 tỷ USD) qua các hợp đồng kỳ hạn 7 ngày và 220 tỷ NDT qua hợp đồng 28 ngày. Với 10 tỷ NDT đáo hạn, tổng cộng, PBOC đã bơm ròng 560 tỷ NDT hôm nay.

■ Mặc dù chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm nay tiếp tục được duy trì ở mức thấp hơn nhiều so với năm 2017, đồng thời thách thức đối với hoạt động cho vay còn rất lớn, nhưng các nhà băng vẫn kỳ vọng tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng bình quân 15,27%. Đặc biệt, trong năm 2019, nhu cầu vay vốn tiếp tục được kỳ vọng tăng trưởng cao nhất. Dự báo trong năm 2019, 77,6% TCTD kỳ vọng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng tăng so với năm 2018, trong đó nhu cầu vay vốn được đa số các TCTD kỳ vọng tăng mạnh (80,7% TCTD), tiếp đến là nhu cầu gửi tiền, dịch vụ thanh toán với mức kỳ vọng lần lượt là 66% và 64%.

Thứ 6 ngày 18/01/2019

■ Ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam đánh giá cao những thành tựu kinh tế đạt được trong những năm qua của Việt Nam, đồng thời ông chỉ ra sự chênh lệch lớn trong tỷ trọng thương mại của Việt Nam giữa doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và thương mại trong nước. Những gì chúng ta thấy là cán cân xuất nhập khẩu chủ yếu thuộc về FDI với 70% giá trị thương mại, trong khi đó, doanh nghiệp trong nước thậm trí còn thâm hụt thương mại", vị Giám đốc đánh giá.

■ Nền kinh tế Philippines đang có sự khởi sắc ngoạn mục và được dự báo sẽ là câu chuyện tăng trưởng ấn tượng hàng đầu ở khu vực châu Á trong năm nay. Chỉ số chính của thị trường chứng khoán Philippines đã tăng hơn 7% trong năm nay, mức tăng mạnh nhất ở châu Á. Đồng Peso tăng 0,8% so với USD, đạt mức 52,2 Peso đổi 1 USD, sau khi là một trong những đồng tiền thị trường mới nổi mất giá mạnh nhất trong 2018.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO NGÀY

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CMG	24.3	27.0	22.2	25.0	24.1					Chờ khớp
	DQC	27.4	30.4	24.9	27.5	27.1					Chờ khớp
	REE	32.2	35.7	29.3	32.1	31.9					Chờ khớp
	VGC	18.8	20.8	17.1	19.1	18.6					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	DPM	22.7	25.2	20.7	23.2	22.5		18/01/2019		3.1%	Nắm giữ
	LCG	8.6	9.5	7.8	9.2	8.5		18/01/2019		8.2%	Nắm giữ
	VIB	18.1	20.0	16.5	17.8	17.9		18/01/2019		-0.6%	Nắm giữ
	VPB	19.7	21.8	17.9	19.3	19.5		17/01/2019		-1.3%	Nắm giữ
	SDI	53.7	59.6	48.9	52.5	53.2		17/09/2019		-1.3%	Nắm giữ
	NNC	49.2	54.5	44.8	48.7	48.7		16/01/2019		0.0%	Nắm giữ
	SHS	10.4	11.5	9.5	10.4	10.3		15/01/2019		1.0%	Nắm giữ
	DRC	22.2	24.6	20.2	22.6	22.0		11/01/2019		2.7%	Nắm giữ
	PDR	25.9	28.7	23.6	25.5	25.6		11/01/2019		-0.4%	Nắm giữ
	HVN	34.8	38.6	31.7	36.1	34.5		03/01/2019		4.6%	Nắm giữ
	TVT	25.9	28.7	23.6	25.6	25.6		02/01/2019		0.0%	Nắm giữ
	DVN	16.7	18.5	15.2	16.6	16.5		28/12/2018		0.6%	Nắm giữ
	TMS	24.3	27.0	22.2	26.0	24.1		27/12/2018		7.9%	Nắm giữ
	OPC	46.7	51.7	42.5	48.5	46.2		25/12/2018		5.0%	Nắm giữ
	SKG	17.7	19.6	16.1	16.70	17.50		25/12/2018		-4.6%	Nắm giữ
	KDH	31.3	34.7	28.5	29.9	31.0		21/12/2018		-3.7%	Nắm giữ
	EIB	14.1	15.7	12.9	14.7	14.0		17/12/2018		5.0%	Nắm giữ
	SHI	6.5	7.2	5.9	6.7	6.4		12/12/2018		4.1%	Nắm giữ
	VSH	17.3	19.2	15.7	16.8	17.1		11/12/2018		-1.8%	Nắm giữ
	NT2	26.1	28.9	23.7	28.1	25.8		10/12/2018		12.3%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	DHA	30.7	34.0	28.0	30.9	30.4		23/11/2018		1.6%	Nắm giữ
	DP3	86.1	95.4	78.4	79.20	85.2		23/10/2018		-7.0%	Cần bán
	QNS	40.2	44.6	36.6	42.00	39.8		20/07/2018		5.5%	Nắm giữ
	SJS	16.1	17.8	14.6	17.8	15.9	17.7	18/12/2018	03/01/2018	11.3%	Đã bán
	DPM	18.7	20.7	17.0	21.00	18.5	21.5	01/11/2018	04/01/2018	16.2%	Đã bán
	DQC	27.1	30.0	24.7	26.3	26.8	26.9	24/12/2018	17/01/2019	0.4%	Đã bán
	DCM	10.3	11.4	9.4	9.8	10.2	9.8	25/12/2018	04/01/2018	-3.9%	Đã bán

NDN	12.2	13.6	11.1	11.60	12.10	11.8	24/12/2018	17/01/2019	-2.5%	Đã bán
SAB	259.1	287.3	236.0	239.0	256.5	236.0	02/01/2019	17/01/2019	-8.0%	Đã bán
CSC	17.6	19.5	16.0	16.3	17.4	16.3	26/12/2018	15/01/2019	-6.3%	Đã bán
C47	20.9	23.2	19.0	18.9	20.7	17.6	27/11/2018	10/01/2019	-8.0%	Đã bán
HAH	13.6	15.1	12.4	13.20	13.5	13.0	14/11/2018	04/01/2018	-3.7%	Đã bán
PC1	24.0	26.7	21.9	22.4	23.8	22.6	25/12/2018	04/01/2018	-5.0%	Đã bán
VRE	29.6	32.8	27.0	27.9	29.3	28.5	02/01/2019	02/01/2018	-2.7%	Đã bán
GEX	22.8	25.3	20.8	22.2	22.6	22.2	02/01/2018	02/01/2018	-1.8%	Đã bán
PET	8.7	9.6	7.9	8.1	8.6	8.3	17/12/2018	02/01/2018	-3.5%	Đã bán
VEF	68.2	75.6	62.1	88.6	67.5	82.0	28/11/2018	17/12/2018	21.5%	Đã bán
ANV	24.0	26.7	21.9	28.35	23.8	28.7	24/10/2018	15/11/2018	20.6%	Đã bán
TNG	16.0	17.7	14.5	18.20	15.8	18.3	26/10/2018	28/11/2018	15.8%	Đã bán
KBC	12.9	14.3	11.8	14.2	12.8	13.8	27/11/2018	25/12/2018	7.8%	Đã bán
FTS	17.2	19.0	15.6	18.20	17.0	18.3	05/11/2018	29/11/2018	7.6%	Đã bán
VEA	35.8	39.6	32.6	37.20	35.4	37.6	05/11/2018	07/12/2018	6.2%	Đã bán
CEO	13.0	14.4	11.9	13.90	12.9	13.8	13/11/2018	18/12/2018	7.0%	Đã bán
POW	14.1	15.7	12.9	14.9	14.0	14.9	20/11/2018	18/12/2018	6.4%	Đã bán
VRE	35.5	39.3	32.3	30.20	35.1	30.2	26/10/2018	14/11/2018	5.6%	Đã bán
IDI	12.9	14.3	11.8	11.15	12.8	11.2	05/11/2018	28/11/2018	3.5%	Đã bán
CTG	22.9	25.4	20.9	23.1	22.7	23.3	20/11/2018	11/12/2018	2.6%	Đã bán
VCS	74.7	82.9	68.1	74.0	74.0	74.7	10/12/2018	27/12/2018	0.9%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Phó phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và
Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com